TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 13/5/2026
V/v "*Ly hôn*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Giả Huệ Tiên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Phúc

2. Ông Phan Tấn Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tuyết – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Chúc – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 129/2026/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2026 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2026/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2026/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1993. Căn cước công dân số 083193009492 do Cục C về TTXH cấp ngày 12/8/2021 (vắng có đơn).

Địa chỉ: Ấp B, xã B, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn*: Ông Phạm Duy Á, sinh năm 1989. Căn cước công dân số: 083089000493 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp V, xã L, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/12/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Phạm Duy Á tự nguyện kết hôn, sau đó đăng ký kết hôn vào ngày 30/9/2019 tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre (nay là xã B, tỉnh Vĩnh Long). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống một thời gian

đến tháng 01/2025 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông Á thường xuyên say sỉn, không chăm cho gia đình. Mặc dù vợ chồng đã cố gắng hòa giải nhưng không giải quyết được mâu thuẫn. Hai bên đã sống ly thân từ tháng 01/2025 đến nay. Nay bà nhận thấy đôi bên đã không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn với ông Á.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình tố tụng vụ án, bị đơn ông Phạm Duy Á không có văn bản thể hiện ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T và không đến Tòa án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

** Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát:*

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng*: Thẩm phán được phân công thụ lý vụ án xác định đây là vụ án "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" là đúng quan hệ tranh chấp. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long theo qui định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật: xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, tổ chức phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn vắng mặt là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về việc giải quyết vụ án*: Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị T. Bà Phạm Thị T được ly hôn với ông Phạm Duy Á.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo đơn khởi kiện, bà Phạm Thị T xác định ông Phạm Duy Á có địa chỉ tại ấp V, xã L, tỉnh Vĩnh Long. Tuy nhiên, quá trình tố tụng và kết quả xác minh của Tòa án thể hiện ông Phạm Duy Á có địa chỉ tại ấp V, xã L, tỉnh Vĩnh Long. Bà Phạm Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Phạm Duy Á có địa chỉ tại ấp V, xã L, tỉnh Vĩnh Long nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà Phạm Thị T và ông Phạm Duy Á tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào ngày 30/9/2019 tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã B, tỉnh Vĩnh Long). Do đó, hôn nhân của bà T và ông Á là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Bà T cho rằng trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông Á thường xuyên say sỉn, không chăm cho gia đình, hai bên đã ly thân từ tháng 01 năm 2025 đến nay, hiện đôi bên đã không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống nên bà yêu cầu ly hôn. Xét thấy bà T và ông Á mâu thuẫn và ly thân đã hơn 01 năm nhưng cả hai không thể hàn gắn được. Ông Á biết việc bà T yêu cầu ly hôn nhưng không đến Tòa án chứng tỏ ông Á không có thiện chí hàn gắn với bà T, có ý bỏ mặc hôn nhân. Do đó, HĐXX xét thấy tình trạng hôn nhân của bà T và ông Á đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ phù hợp với quy định khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà T khai vợ chồng không có con chung, ông Á không có ý kiến nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không ai có yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Xét quan điểm đề nghị về nội dung giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long là phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị T phải nộp án phí hôn nhân gia đình là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ các 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị T. Bà Phạm Thị T được ly hôn với ông Phạm Duy Á.

2. Về con chung: Bà T khai vợ chồng không có con chung, ông Á không có ý kiến nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Phạm Thị T phải nộp án phí hôn nhân gia đình là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0001401 ngày 19/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt theo quy định pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 8 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã Bình Đại;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Giả Huệ Tiên